

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

PHỤ LỤC SỐ 01:

Phương pháp tính các chỉ số chi bình quân

(kèm theo Công văn số /BHXH-GDDT ngày tháng năm 2024
của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

TT	Chỉ số chi bình quân	Phương pháp tính
1	Một lượt khám bệnh, chữa bệnh	Tổng chi/số lượt khám bệnh, chữa bệnh
2	Xét nghiệm	Tổng tiền xét nghiệm/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có chỉ định xét nghiệm
3	Chẩn đoán hình ảnh	Tổng tiền chẩn đoán hình ảnh/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có chỉ định chẩn đoán hình ảnh
4	Phẫu thuật	Tổng tiền phẫu thuật/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có phẫu thuật
5	Thủ thuật	Tổng tiền thủ thuật/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có thủ thuật
6	Thuốc	Tổng tiền thuốc/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có chỉ định thuốc
7	Vật tư y tế	Tổng tiền vật tư y tế/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có sử dụng vật tư y tế
8	Giường	Tổng tiền giường/số lượt khám bệnh, chữa bệnh có sử dụng giường
9x	Theo chẩn đoán (mã bệnh chính)	Tổng chi các trường hợp cùng chẩn đoán/ số lượt khám bệnh, chữa bệnh có cùng chẩn đoán

* Ghi chú: Các chỉ số chi bình quân được thống kê, so sánh theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh (khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày).

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

PHỤ LỤC SỐ 02:

Khai thác thông tin trên phần mềm Giám sát

(kèm theo Công văn số /BHXH-GĐĐT ngày tháng năm 2024 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

1. Thống kê gia tăng chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo ND75

- Bảng tổng hợp số liệu theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, so sánh với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng tuyến, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn, tuyến cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

- Đầu vào:

+ Thời gian (số liệu được cập nhật vào 24h00 hàng ngày)

+ Chuyên khoa

+ Tuyến

+ Hạng bệnh viện

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày.

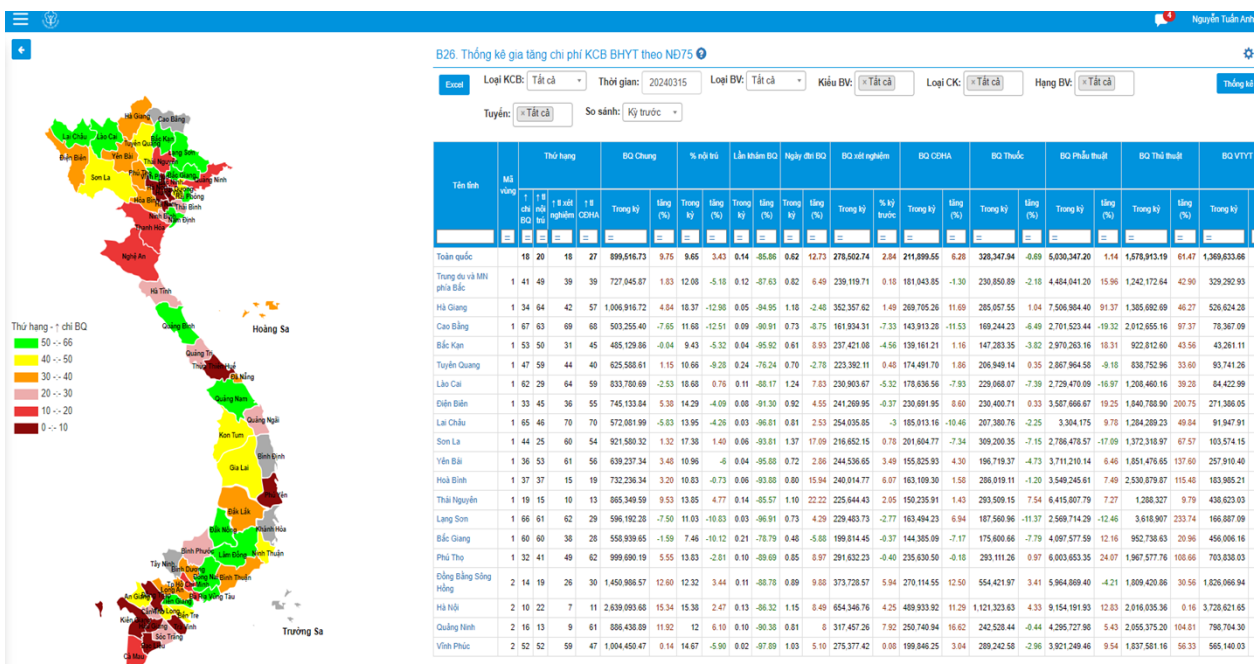
+ So sánh, gồm: kỳ trước, cùng kỳ năm trước

- Ý nghĩa các cột:

+ Trong kỳ: Chi phí bình quân của tháng xem báo cáo tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng tuyến, cùng chuyên khoa thống kê theo tỉnh, khu vực và toàn quốc, được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày.

+ Tăng (%): Tỷ lệ gia tăng so với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước

Hình ảnh minh họa:



2. Diễn biến chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh các ngày trong tháng

- Gồm: Biểu đồ, bảng tổng hợp số liệu chi bình quân (gồm: chi bình quân chung một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) diễn biến theo từng ngày của tháng xem báo cáo theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

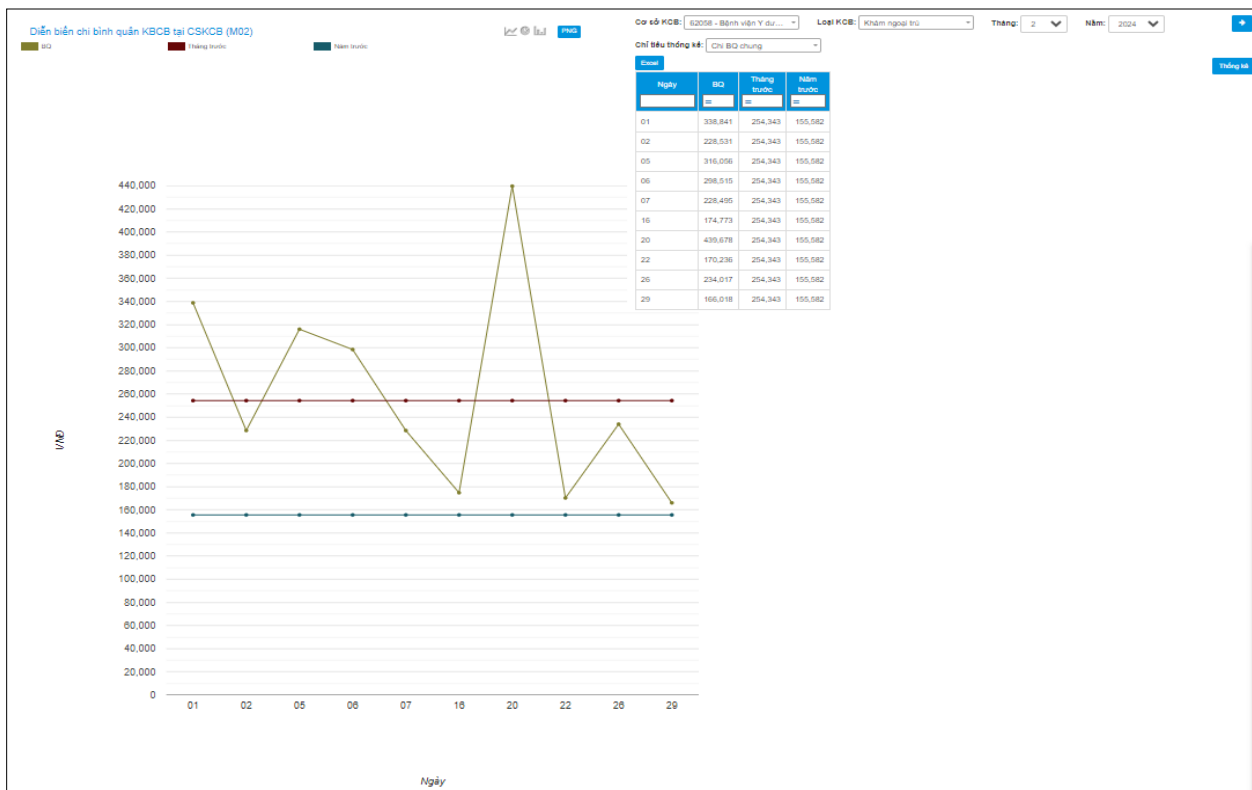
+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày.

+ Chỉ tiêu thống kê, gồm: chi phí bình quân một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường.

- Ý nghĩa đường trong biểu đồ:

Chi bình quân theo từng ngày của tháng hiện tại được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày so với chi bình quân tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước (trong đó, số liệu tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến hết tháng)

Hình ảnh minh họa:



Minh họa bảng dữ liệu kết xuất file excel:

Đơn vị tính: đồng/lượt

Diễn biến chi bình quân KBCB tại CSKCB (M02)				
	Ngày	BQ	Tháng trước	Năm trước
3	01	338.841	254.343	155.582
4	02	228.531	254.343	155.582
5	05	316.056	254.343	155.582
6	06	298.515	254.343	155.582
7	07	228.495	254.343	155.582
8	16	174.773	254.343	155.582
9	20	439.678	254.343	155.582
10	22	170.236	254.343	155.582
11	26	234.017	254.343	155.582
12	29	166.018	254.343	155.582

3. Chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh trong tháng

- Gồm: Biểu đồ, Bảng tổng hợp số liệu chi bình quân (gồm: chi phí bình quân chung một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo các hình thức khám bệnh, chữa bệnh so sánh với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Đầu vào:

+ Tháng

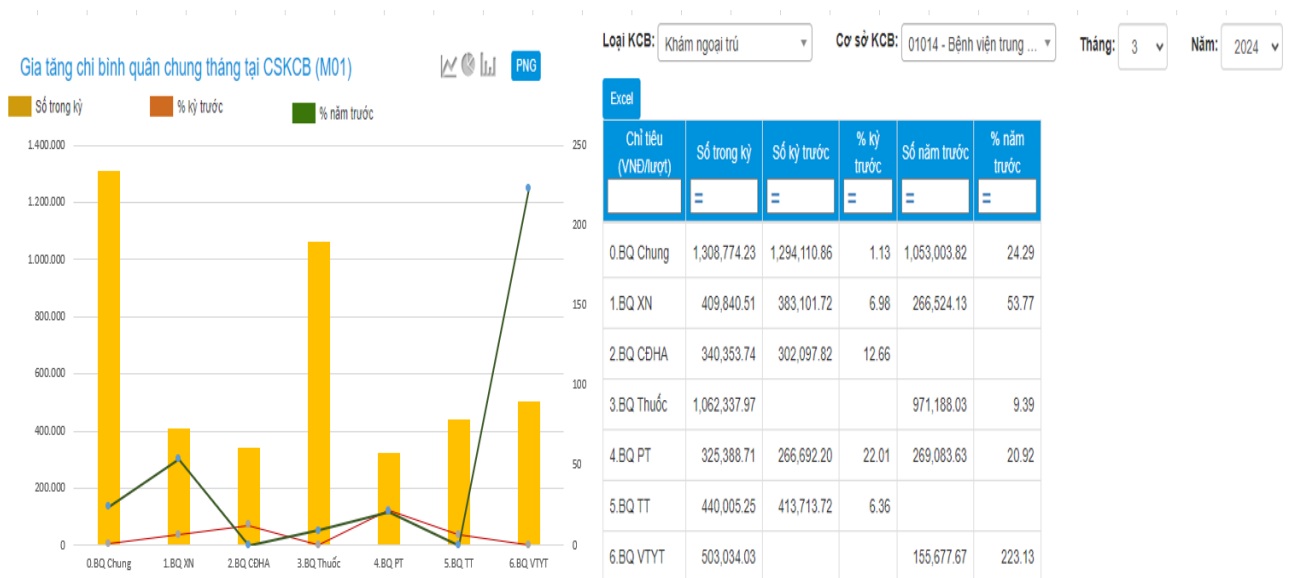
+ Năm

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày.

- Ý nghĩa các cột trong biểu: Chi bình quân của tháng xem báo cáo, được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày.

- Ý nghĩa đường trong biểu: Tỷ lệ so sánh chi bình quân của tháng xem báo cáo với chi bình quân của tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước (trong đó, số liệu tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến hết tháng).

Hình ảnh minh họa:



Minh họa bảng dữ liệu kết xuất file excel:

	A	B	C	D	E	F
1	Gia tăng chi bình quân chung tháng tại CSKCB (M01)					
2	Chỉ tiêu (VNĐ/lượt)	Số trong kỳ	Số kỳ trước	% kỳ trước	Số năm trước	% năm trước
3	0.BQ Chung	1.308.774,23	1.294.110,86	1,13	1.053.003,82	24,29
4	1.BQ XN	409.840,51	383.101,72	6,98	266.524,13	53,77
5	2.BQ CDHA	340.353,74	302.097,82	12,66		
6	3.BQ Thuốc	1.062.337,97			971.188,03	9,39
7	4.BQ PT	325.388,71	266.692,20	22,01	269.083,63	20,92
8	5.BQ TT	440.005,25	413.713,72	6,36		
9	6.BQ VTYT	503.034,03			155.677,67	223,13

4. So sánh chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, trong khu vực, toàn quốc

- Gồm: Biểu đồ, bảng tổng hợp số liệu chi bình quân (gồm chi phí bình quân một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, so sánh với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng tuyến, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn, tuyến cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

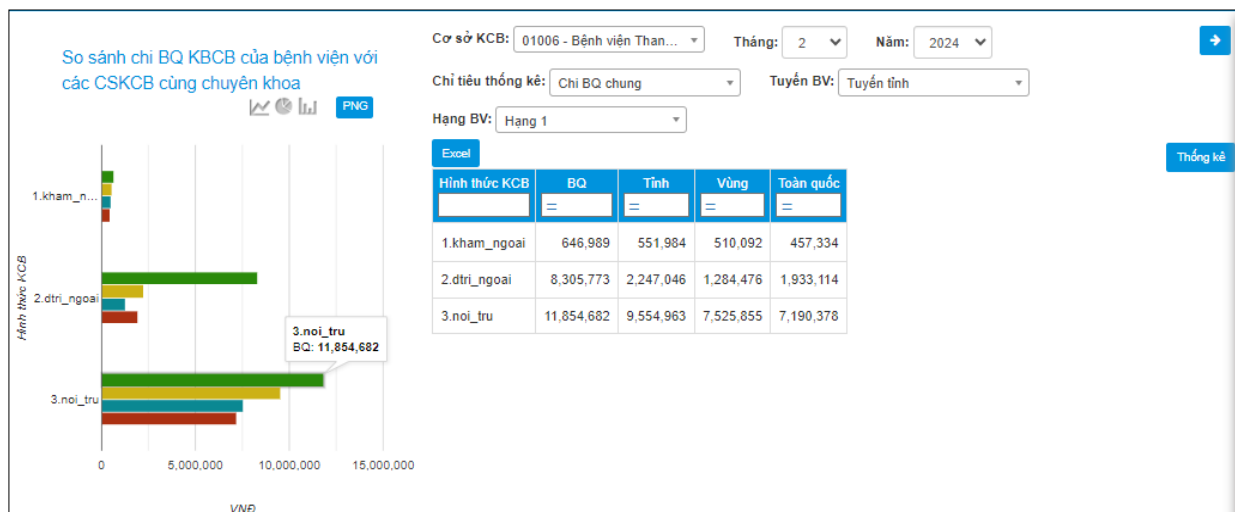
+ Tuyến: cùng tuyến hoặc tuyến cao hơn.

+ Hạng bệnh viện: cùng hạng hoặc hạng cao hơn.

+ Chỉ tiêu thống kê, gồm: chi phí bình quân một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường.

- Ý nghĩa đường trong biểu đồ: Chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh của tháng xem báo cáo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng tuyến, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn, tuyến cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc, được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày.

Hình ảnh minh họa:



5. Chi bình quân theo chẩn đoán bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh so với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước

- Bảng tổng hợp số liệu chi bình quân theo chẩn đoán (mã bệnh chính) (gồm chi bình quân theo chẩn đoán/một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh so sánh với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày

+ So sánh, gồm: kỳ trước, cùng kỳ năm trước

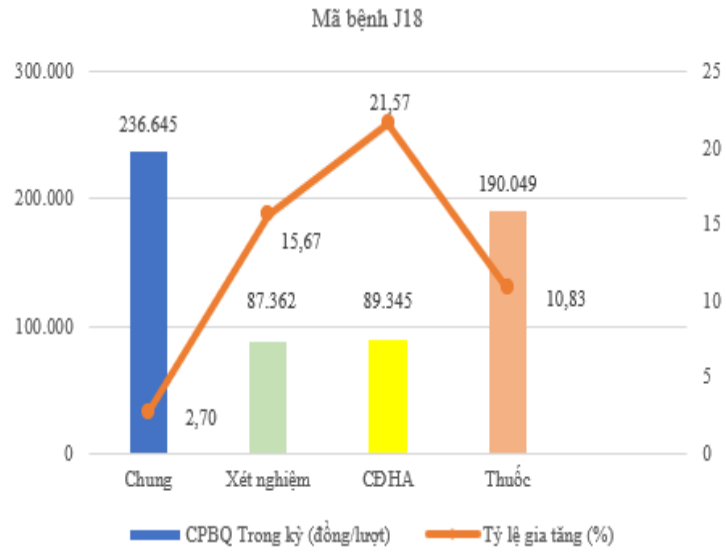
- Ý nghĩa các cột:

+ Mã bệnh chính (ICD10)

+ Chi bình quân của tháng: là số liệu thống kê theo tháng đề nghị thanh toán, được tổng hợp vào ngày mùng 6 tháng sau.

+ Tỷ lệ tăng, số tiền tăng: so sánh chi phí bình quân tháng xem báo cáo với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước.

Bảng minh họa:



Cơ sở KCB: 60134 - Phòng khám đa ... Loại KCB: Khám ngoại trú Năm: 2024 Tháng: 2 So sánh: Kỳ trước

Excel

Mã bệnh	Tổng chi	BQ Chung			Xét nghiệm			CĐHA			Thuốc			Phẫu Thuật		
		Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VNĐ)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VNĐ)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền Tăng (VNĐ)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VNĐ)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VNĐ)
	=	=	=	>0	=	=	<0	=	=	>0	=	=	=	=	=	=
N20	777,060	259,020	88.86	121,870	240,500			117,600	138.54	68,300	328,660	469.11	270,910			
H81	7,990,615	228,303	18.67	35,917	78,850			84,700	139.27	49,300	186,772	15.99	25,750			
J18	20,114,840	236,645	2.70	6,211	87,362	15.67	11,836	89,345	21.57	15,853	190,049	10.83	18,571			
M54	5,218,881	289,938	20.63	49,590	190,900			102,450	13.30	12,030	226,466	20.10	37,904			
I20	3,136,390	261,366	17.44	38,821				35,400	0	0	263,359	38.20	72,799			
M06	956,862	239,216	694.74	209,116	43,600			185,900			151,741					
J44	844,840	281,613	37.30	76,504							251,513	22.67	46,481			
M53	317,160	317,160	26.24	65,916							287,060	123.70	158,736			
K73	515,690	257,845	14.04	31,744							227,745	30.34	53,019			
B18	239,800	239,800	14.79	30,900							209,700	17.28	30,900			
J20	1,267,138	253,428	9.26	21,488							223,328	10.65	21,488			
Z34	347,240	57,873	30.60	13,559				49,300			58,670	22.84	10,910			

6. Chi bình quân theo chẩn đoán tháng năm so với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, khu vực, toàn quốc

- Bảng tổng hợp số liệu chi bình quân theo chẩn đoán (gồm chi phí bình quân theo chẩn đoán/01 lần khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, so sánh với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày

+ Hạng bệnh viện

+ Chỉ tiêu thống kê, gồm: chi phí bình quân theo chẩn đoán/01 lần khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường.

- Ý nghĩa các cột:

+ Mã bệnh chính (ICD10)

+ Chi phí bình quân của tháng xem báo cáo: là số liệu thống kê theo tháng đề nghị thanh toán, được tổng hợp vào ngày mùng 6 tháng sau.

+ Tỷ lệ tăng, số tiền tăng: so sánh chi bình quân tháng xem báo cáo so với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ So sánh trong kỳ với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**PHỤ LỤC SỐ 03:****Khai thác thông tin trên phần mềm Công tiếp nhận dữ liệu**

*(kèm theo Công văn số /BHXH-GĐĐT ngày tháng năm 2024
của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

1. Diễn biến chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh các ngày trong tháng

- Gồm: Biểu đồ, bảng tổng hợp số liệu chi bình quân (gồm: chi bình quân chung một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) diễn biến theo từng ngày của tháng xem báo cáo theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

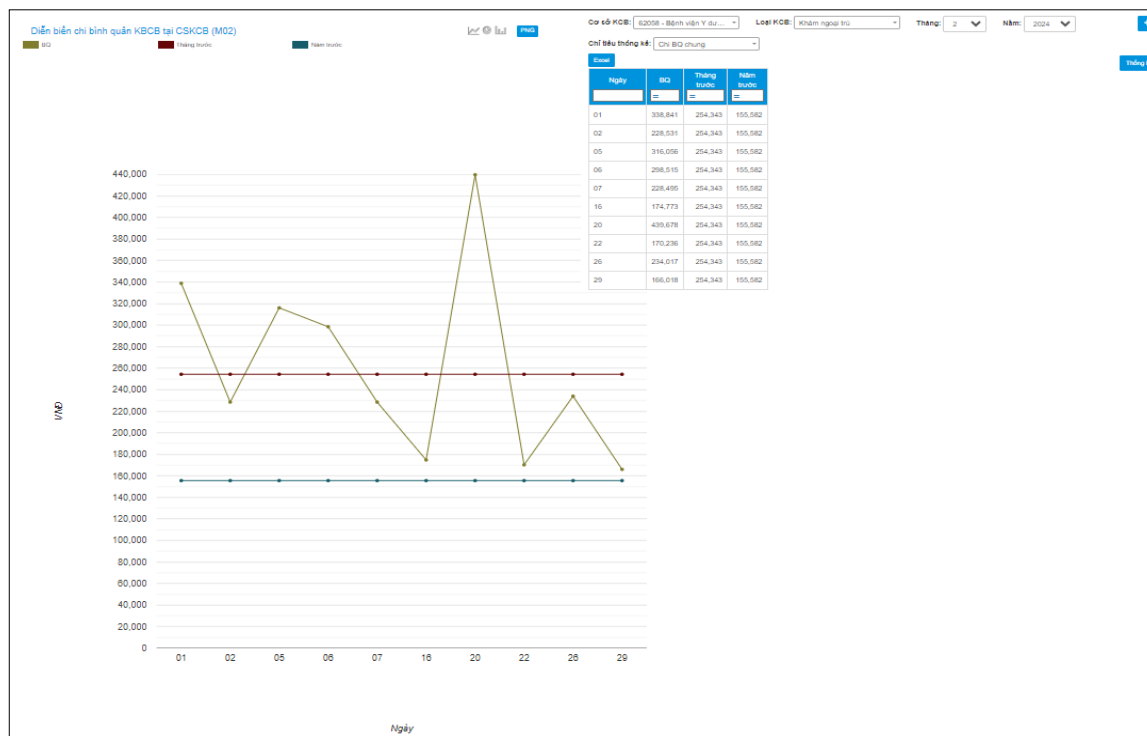
+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày.

+ Chỉ tiêu thống kê, gồm: chi phí bình quân một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường.

- Ý nghĩa đường trong biểu đồ:

Chi bình quân theo từng ngày của tháng hiện tại được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày so với chi bình quân tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước (trong đó, số liệu tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến hết tháng)

Hình ảnh minh họa:



Minh họa bảng dữ liệu kết xuất file excel:

Đơn vị tính: đồng/lượt

Diễn biến chi bình quân KBCB tại CSKCB (M02)				
	Ngày	BQ	Tháng trước	Năm trước
1	01	338.841	254.343	155.582
2	02	228.531	254.343	155.582
3	05	316.056	254.343	155.582
4	06	298.515	254.343	155.582
5	07	228.495	254.343	155.582
6	16	174.773	254.343	155.582
7	20	439.678	254.343	155.582
8	22	170.236	254.343	155.582
9	26	234.017	254.343	155.582
10	29	166.018	254.343	155.582

2. Chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh trong tháng

- Gồm: Biểu đồ, Bảng tổng hợp số liệu chi bình quân (gồm: chi phí bình quân chung một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo các hình thức khám bệnh, chữa bệnh so sánh với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Đầu vào:

+ Tháng

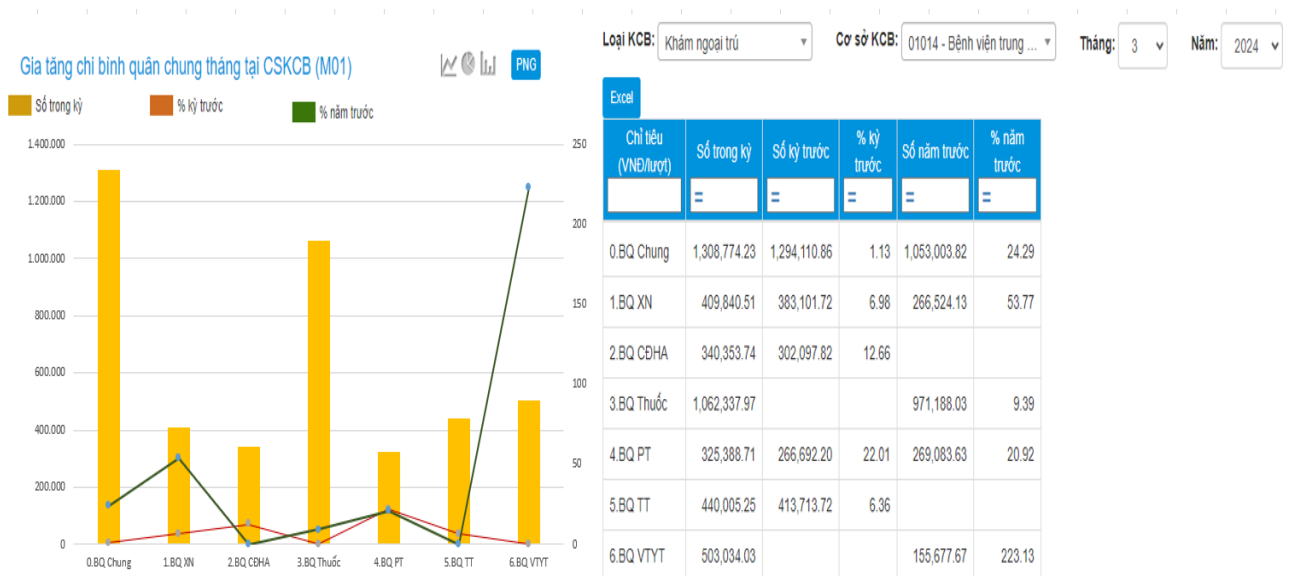
+ Năm

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày.

- Ý nghĩa các cột trong biểu: Chi bình quân của tháng xem báo cáo, được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày.

- Ý nghĩa đường trong biểu: Tỷ lệ so sánh chi bình quân của tháng xem báo cáo với chi bình quân của tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước (trong đó, số liệu tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến hết tháng).

Hình ảnh minh họa:



Minh họa bảng dữ liệu kết xuất file excel:

	A	B	C	D	E	F
1	Gia tăng chi bình quân chung tháng tại CSKCB (M01)					
2	Chỉ tiêu (VNĐ/lượt)	Số trong kỳ	Số kỳ trước	% kỳ trước	Số năm trước	% năm trước
3	0.BQ Chung	1.308.774,23	1.294.110,86	1,13	1.053.003,82	24,29
4	1.BQ XN	409.840,51	383.101,72	6,98	266.524,13	53,77
5	2.BQ CĐHA	340.353,74	302.097,82	12,66		
6	3.BQ Thuốc	1.062.337,97			971.188,03	9,39
7	4.BQ PT	325.388,71	266.692,20	22,01	269.083,63	20,92
8	5.BQ TT	440.005,25	413.713,72	6,36		
9	6.BQ VTYT	503.034,03			155.677,67	223,13

3. So sánh chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, trong khu vực, toàn quốc

- Gồm: Biểu đồ, bảng tổng hợp số liệu chi bình quân (gồm chi phí bình quân một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, so sánh với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng tuyến, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn, tuyến cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

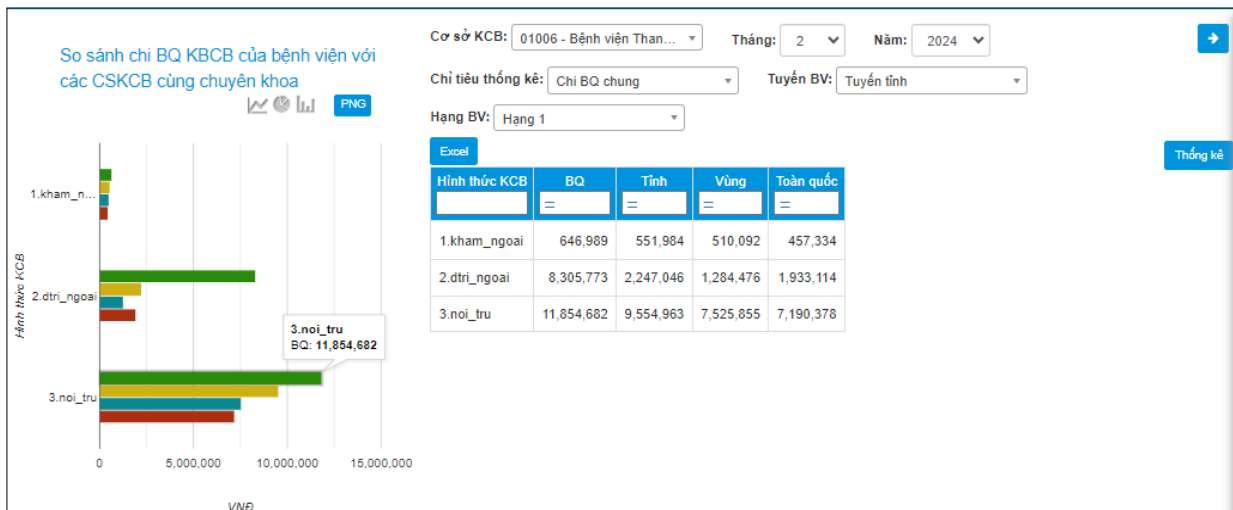
+ Tuyến: cùng tuyến hoặc tuyến cao hơn.

+ Hạng bệnh viện: cùng hạng hoặc hạng cao hơn.

+ Chỉ tiêu thống kê, gồm: chi phí bình quân một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường.

- Ý nghĩa đường trong biểu đồ: Chi bình quân khám bệnh, chữa bệnh của tháng xem báo cáo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng tuyến, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn, tuyến cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc, được tổng hợp theo ngày gửi hồ sơ đề nghị thanh toán từ ngày thứ nhất của tháng đến trước ngày xem báo cáo 01 ngày.

Hình ảnh minh họa:



4. Chi bình quân theo chẩn đoán bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh so với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước

- Bảng tổng hợp số liệu chi bình quân theo chẩn đoán (mã bệnh chính) (gồm chi bình quân theo chẩn đoán/một lượt khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh so sánh với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày

+ So sánh, gồm: kỳ trước, cùng kỳ năm trước

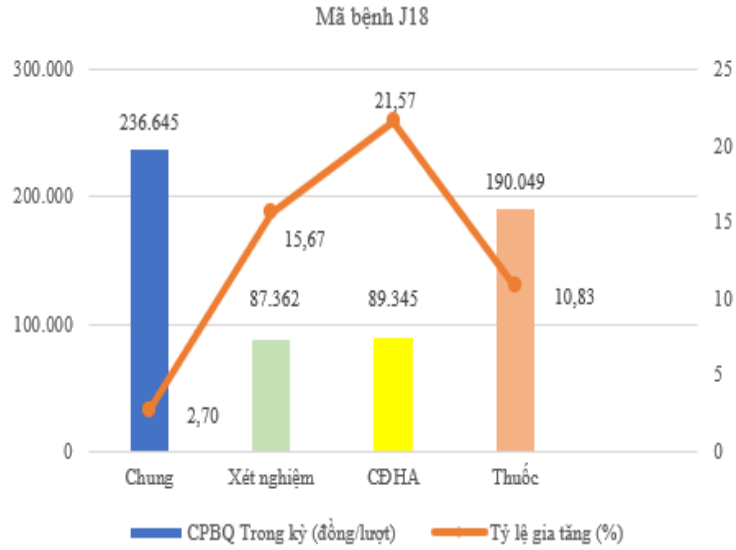
- Ý nghĩa các cột:

+ Mã bệnh chính (ICD10)

+ Chi bình quân của tháng: là số liệu thống kê theo tháng đề nghị thanh toán, được tổng hợp vào ngày mùng 6 tháng sau.

+ Tỷ lệ tăng, số tiền tăng: so sánh chi phí bình quân tháng xem báo cáo với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước.

Bảng minh họa:



Cơ sở KCB: 60134 - Phòng khám đa ... Loại KCB: Khám ngoại trú Năm: 2024 Tháng: 2 So sánh: Kỳ trước

Excel

Mã bệnh	Tổng chi	BQ Chung			Xét nghiệm			CDHA			Thuốc			Phẫu Thuật		
		Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VND)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VND)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền Tăng (VND)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VND)	Trong kỳ	TL Tăng (%)	Tiền tăng (VND)
	=	=	=	>0	=	=	<0	=	=	>0	=	=	=	=	=	=
N20	777,060	259,020	88.86	121,870	240,500			117,600	138.54	68,300	328,660	469.11	270,910			
H81	7,990,615	228,303	18.67	35,917	78,850			84,700	139.27	49,300	186,772	15.99	25,750			
J18	20,114,840	236,645	2.70	6,211	87,362	15.67	11,836	89,345	21.57	15,853	190,049	10.83	18,571			
M54	5,218,881	289,938	20.63	49,590	190,900			102,450	13.30	12,030	226,466	20.10	37,904			
I20	3,136,390	261,366	17.44	38,821				35,400	0	0	263,359	38.20	72,799			
M06	956,862	239,216	694.74	209,116	43,600			185,900			151,741					
J44	844,840	281,613	37.30	76,504							251,513	22.67	46,481			
M53	317,160	317,160	26.24	65,916							287,060	123.70	158,736			
K73	515,690	257,845	14.04	31,744							227,745	30.34	53,019			
B18	239,800	239,800	14.79	30,900							209,700	17.28	30,900			
J20	1,267,138	253,428	9.26	21,488							223,328	10.65	21,488			
Z34	347,240	57,873	30.60	13,559				49,300			58,670	22.84	10,910			

5. Chi bình quân theo chẩn đoán tháng năm so với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, khu vực, toàn quốc

- Bảng tổng hợp số liệu chi bình quân theo chẩn đoán (gồm chi phí bình quân theo chẩn đoán/01 lần khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường) theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, so sánh với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

- Đầu vào:

+ Tháng

+ Năm

+ Hình thức khám bệnh, chữa bệnh, gồm: khám bệnh, điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị nội trú ban ngày

+ Hạng bệnh viện

+ Chỉ tiêu thống kê, gồm: chi phí bình quân theo chẩn đoán/01 lần khám bệnh, chữa bệnh và chi bình quân 07 nhóm chi phí: Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, phẫu thuật, thủ thuật, vật tư y tế, giường.

- Ý nghĩa các cột:

+ Mã bệnh chính (ICD10)

+ Chi phí bình quân của tháng xem báo cáo: là số liệu thống kê theo tháng đề nghị thanh toán, được tổng hợp vào ngày mùng 6 tháng sau.

+ Tỷ lệ tăng, số tiền tăng: so sánh chi bình quân tháng xem báo cáo so với tháng trước liền kề, cùng kỳ năm trước tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ So sánh trong kỳ với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng hạng, cùng chuyên khoa hoặc hạng cao hơn trong tỉnh, trong khu vực và toàn quốc.

